PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN TRONG CÁC GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI XUYÊN BIÊN GIỚI

NGUYỄN NGỌC HỒNG DƯƠNG
Trường Đại học Luật Hà Nội

Nhận bài ngày 12/5/2025. Sửa chữa xong 16/5/2025. Duyệt đăng 20/5/2025.

Abstract

In the context of rapid globalization and digital transformation, cross-border transactions involving the sharing and processing of personal data (PD) have become increasingly common. This raises urgent demands for countries, including Vietnam, to establish a robust legal framework that both protects individual privacy and aligns with international standards. Although Vietnam has made progress especially with the issuance of Decree No. 13/2023/ND-CP on personal data protection its current legal system still requires improvement. This article analyzes the status of Vietnam's legal framework on personal data protection in cross-border commercial transactions and proposes directions for legal reform to better meet the demands of the digital era and international integration.

Keywords: *Personal data, Vietnamese law, cross-border trade.*

1. Đặt vấn đề

Trong kỷ nguyên số, dữ liệu cá nhân (DLCN) đã trở thành một "tài nguyên chiến lược" quan trọng với quốc gia, doanh nghiệp và cá nhân. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ và các mô hình kinh doanh xuyên biên giới khiến việc thu thập và dịch chuyển DLCN trở nên phổ biến trong thương mại quốc tế. Bảo vệ DLCN vì vậy không chỉ là vấn đề quyền riêng tư mà còn liên quan đến niềm tin số, năng lực cạnh tranh và chủ quyền dữ liệu quốc gia. Với tốc độ chuyển đổi số nhanh, Việt Nam đang đối mặt nhiều thách thức trong việc hoàn thiện pháp luật bảo vệ DLCN, nhất là trong các giao dịch xuyên biên giới, đòi hỏi cần có khuôn khổ pháp lý thống nhất, phù hợp với bối cảnh mới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm về dữ liệu cá và bảo vệ dữ liệu cá nhân

2.1.1. Khái niệm dữ liệu cá nhân

Trong pháp luật quốc tế, khái niệm "dữ liệu cá nhân" trong Quy định chung về bảo vệ dữ liệu của Liên minh Châu Âu (GDPR) được quy định: "Dữ liệu cá nhân là bất kỳ thông tin nào liên quan đến một cá nhân đã được nhận diện hoặc có thể nhận diện được ("data subject"); cá nhân có thể được nhận diện là người có thể được xác định trực tiếp hoặc gián tiếp, đặc biệt dựa vào các định danh như tên, số nhận dạng, dữ liệu vị trí, định danh trực tuyến hoặc một hay nhiều yếu tố đặc trưng cho bản sắc sinh học, sinh lý, di truyền, tâm lý, kinh tế, văn hóa hoặc xã hội của cá nhân đó"[1]. Khái niệm này có phạm vi rất rộng và bao gồm mọi thông tin có thể xác định danh tính cá nhân: bao hàm mọi loại thông tin liên quan đến cá nhân; cá nhân có thể được nhận diện trực tiếp hoặc gián tiếp; các yếu tố nhận diện không chỉ giới hạn ở tên, địa chỉ mà còn gồm cả dữ liệu sinh học, gen, hành vi trực tuyến...

Theo quan điểm của Liên Hiệp Quốc, trong các văn kiện như Nghị quyết 68/167 (2013)[2] và 73/179

1) Khoản 1, Điều 4, Quy định chung về bảo vệ dữ liệu của EU (The EU general data protection regulation) 2016.

2) Nghị quyết 68/167 (2013): "Affirms that the same rights that people have offline must also be protected online, including the right to privacy".

Email: hongduongng@gmail.com.

(2018)[3], Đại hội đồng Liên Hợp Quốc đã nhấn mạnh quyền riêng tư trong thời đại kỹ thuật số và kêu gọi các quốc gia xây dựng luật bảo vệ DLCN. Tuy không có định nghĩa cụ thể như GDPR, nhưng DLCN phải được hiểu là bất kỳ thông tin nào cho phép nhận diện một cá nhân và cần được bảo vệ tương đương với các quyền con người cơ bản.

Ở Việt Nam, khái niệm "dữ liệu cá nhân" lần đầu tiên được định nghĩa chính thức trong Nghị định của Chính phủ số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 về bảo vệ dự liệu cá nhân (Nghị định 13/2023/NĐ-CP): "Dữ liệu cá nhân là thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự trên môi trường điện tử gắn liền với một cá nhân xác định hoặc có thể xác định được cá nhân đó". Có thể thấy cách tiếp cận DLCN ở Việt Nam cũng xác định DLCN là thông tin gắn liền với khả năng nhận dạng cá nhân và có thể được nhận diện trong môi trường điện tử.

2.1.2. Khái niệm bảo vệ dữ liệu cá nhân

Hiện nay trên thế giới chưa có khái niệm thống nhất về "bảo vệ dữ liệu cá nhân" tuy nhiên ta có thể hiểu khái niệm này thông qua một số quy định của tổ chức thế giới. Theo Điều 5 Khoản 1 Quy định chung về bảo vệ dữ liệu của Liên minh Châu Âu (GDPR) quy định "Dữ liệu cá nhân phải được: xử lý một cách hợp pháp, công bằng và minh bạch... được thu thập cho các mục đích cụ thể, rõ ràng và hợp pháp, và không được xử lý tiếp theo theo cách không phù hợp với các mục đích đó". Mặc dù GDPR không định nghĩa riêng thuật ngữ "bảo vệ dữ liệu cá nhân", nhưng toàn bộ văn bản đều được xây dựng dựa trên nguyên tắc bảo vệ quyền của cá nhân đối với việc xử lý thông tin nhận dạng cá nhân: hợp pháp, minh bạch, giới hạn mục đích, tối thiểu hóa dữ liệu, chính xác, giới hạn thời gian lưu trữ, và an toàn.

Pháp luật Việt Nam hiện chưa đưa ra khái niệm cụ thể về "bảo vệ dữ liệu cá nhân", tuy nhiên Nghị định 13/2023/NĐ-CP tại Điều 3 đã xác lập các nguyên tắc cơ bản trong xử lý dữ liệu cá nhân. Theo đó, việc xử lý DLCN phải tuân thủ đúng quy định pháp luật, có sự minh bạch, đúng mục đích, không được mua bán trừ trường hợp luật cho phép, và phải áp dụng các biện pháp kỹ thuật để bảo mật, bảo vệ dữ liệu khỏi các rủi ro xâm phạm.

Dù chưa có định nghĩa thống nhất, "bảo vệ dữ liệu cá nhân" có thể được hiểu là việc đảm bảo thông tin nhận dạng cá nhân được thu thập, xử lý một cách hợp pháp, minh bạch, có mục đích rõ ràng, đồng thời bảo vệ cá nhân khỏi việc sử dụng sai mục đích hoặc bị đánh cắp. Trong bối cảnh giao dịch thương mại xuyên biên giới ngày càng gia tăng, bảo vệ DLCN đòi hỏi sự điều phối giữa các quốc gia nhằm xây dựng môi trường thương mại số an toàn, tin cậy và bền vững.

2.2. Quy định pháp luật Việt Nam về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong các giao dịch thương mại xuyên biên giới

2.2.1. Các văn bản pháp luật quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân

Tại Việt Nam, vấn đề quyền riêng tư cũng được quan tâm đặc biệt để đảm bảo an toàn thông tin cá nhân trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

Trước hết, quyền riêng tư được Hiến Pháp 2013 quy định. Theo đó, quyền riêng tư được ghi nhận thông qua quyền về đời sống riêng tư về bí mật cá nhân, gia đình, uy tín của bản thân, quyền giữ bó mật về thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư. Bộ luật Dân sự 2015 cũng quy định tại Điều 38 về thu thập, lưu trữ, sử dụng công khai thông tin cá nhân liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân thì cần phải có sự đồng ý của chủ thể, hoạt động trao đổi thông tin liên quan đến cá nhân phải đảm bảo an toàn, bảo mật. Có thể thấy, pháp luật Việt Nam có xu hướng bảo vệ bí mật cá nhân để đảm bảo đời tư bí mật của chủ thể.

Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 cũng đưa ra những quy định có tính nguyên tắc để bảo vệ thông tin cá nhân cho công dân như đảm bảo quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của cá nhân, quyền dược xét xử kín để giữ bí mật đời tư theo yêu cầu chính đáng của đương sự, quyền yêu cầu giữ bí mật về họ tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo...

3) Nghị quyết 73/179 (2018): "*Emphasizes the need to further study the implications of artificial intelligence and big data for the enjoyment of the right to privacy*."

Luật An toàn thông tin mạng 2015 có đưa ra khái niệm về thông tin cá nhân và xác định "chủ thể của thông tin cá nhân là người được xác định từ thông tin cá nhân đó" đồng thời cũng đưa ra các biện pháp bảo vệ DLCN. Điều 47 Luật Giao dịch điện tử 2023 quy định về trách nhiệm của chủ quản hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử. Quy định về bảo vệ thông tin cá nhân còn được quy định trong Luật Bảo vệ người tiêu dùng năm 2023 tại Điều 15 về "bảo vệ thông tin của người tiêu dùng".

Một số văn bản dưới luật ở Việt Nam đã góp phần hoàn thiện cơ sở pháp lý bảo vệ DLCN: Nghị định của Chính phủ số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đã xác định rõ thông tin cá nhân là thông tin trên mạng có thể định danh một cá nhân cụ thể; Nghị định của Chính phủ số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 về quản lý, cung cấp, sử dụng internet và thông tin trên mạng đưa ra quy định phân biệt giữa thông tin cá nhân và thông tin riêng, làm rõ phạm vi thông tin cần được bảo vệ; Nghị định của Chính phủ số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 về thương mại điện tử (Nghị định 52/2013/NĐ-CP) yêu cầu việc xử lý dữ liệu phải có sự đồng ý của chủ thể, thời hạn lưu trữ giới hạn, nghiêm cấm chia sẻ với bên thứ ba nếu không có sự đồng ý hoặc yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền.

Năm 2023, Việt Nam lần đầu tiên quy định chi tiết và cụ thể những quy phạm pháp luật nhằm tạo ra một hành lang pháp lý về quản lý, sử dụng và bảo vệ DLCN tại Việt nam một cách hiệu quả tại Nghị định 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ DLCN được Chính phủ ban hành và có hiệu lực từ ngày 01/07/2023. Nghị định 13/2023/NĐ-CP bao gồm 4 chương và 44 Điều, ghi nhận toàn diện các quyền lợi cơ bản của cá nhân là chủ thể dữ liệu và đặt ra các yêu cầu kỹ thuật và pháp lý cho các doanh nghiệp xử lý, kiểm soát dữ liệu của công dân Việt Nam.

2.2.2. Một số quy định cụ thể về bảo vệ dữ liệu cá nhân

a. Khái niệm dữ liệu cá nhân

Nghi định 13/2023/NĐ-CP đã đưa ra khái niệm niệm về DLCN, cụ thể Khoản 1 Điều 2 quy đinh: "*là thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự trên môi trường điện tử gắn liền với một con người cụ thể hoặc giúp xác định một con người cụ thể*". Đối với các văn bản pháp luật trước đây, Việt Nam ghi nhận quyền của chủ thể với "thông tin cá nhân" là những thông tin cơ bản của một cá nhân như tên, tuổi, số điện thoại, giới tính... Nghị định cũng phân biệt các loại dữ liệu và có những cơ chế đối xử đối với từng loại dữ liệu như "dữ liệu cá nhân" và "dữ liệu cá nhân nhạy cảm". Theo đó, "dữ liệu cá nhân nhạy cảm" gắn liền với quyền riêng tư của cá nhân mà khi bị xâm phạm sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân thì cần được bảo mật một cách chặt chẽ.

b. Quyền của chủ thể dữ liệu cá nhân

Nghị định 13/2023/NĐ-CP ghi nhận các quyền cơ bản của chủ thể dữ liệu tại Điều 9, cụ thể: (1) quyền được biết; (2) quyền đồng ý; (3) quyền truy cập; (4) quyền rút lại sự đồng ý; (5) quyền xóa dữ liệu; (6) quyền hạn chế xử lý dữ liệu; (7) quyền cung cấp dữ liệu; (8) quyền phản đối xử lý dữ liệu; (9) quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện; (10) quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại; (11) quyền tự bảo vệ. Một trong những nội dung quan trọng của Nghị định 13/2023/NĐ-CP là quyền của chủ thể dữ liệu được đồng ý hoặc không đồng ý cho phép xử lý DLCN của mình. Như vậy, tổ chức, cá nhân muốn xử lý dữ liệu của cá nhân khác sẽ cần phải có sự đồng ý của chủ thể DLCN trừ những trường hợp được quy định tại Điều 17 Nghị định.

c. Bản chất dữ liệu cá nhân trong các giao dịch thương mại xuyên biên giới

Việc phân tích tác động của dữ liệu cá nhân (DLCN) trong giao dịch thương mại xuyên biên giới cần xác định liệu DLCN là quyền nhân thân hay tài sản. Nếu coi DLCN là quyền nhân thân, việc mua bán, chuyển nhượng sẽ bị giới hạn bởi pháp lý và đạo đức. Tuy nhiên, trong nền kinh tế số hiện nay, DLCN ngày càng được nhìn nhận như một tài sản vô hình có giá trị kinh tế, đóng vai trò quan trọng trong các mô hình kinh doanh.

Khi chúng ta chấp nhận điều khoản sử dụng của ứng dụng điện thoại hay của một trang web cũng có giá trị như chúng ra đang ký kết vào hợp đồng mà đối tượng của hợp đồng là thông tin cá nhân

của chúng ta. Mặc dù giao dịch này không hoàn toán giống một hợp đồng mua bán hàng hoá thông thường như theo quy định của Luật Thương mại năm 2005, tức là bên bán sẽ chuyển giao toàn bộ quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt đối với hàng hoá cho bên mua theo hợp đồng mua bán được giao kết. DLCN gắn liền đối với mỗi cá nhân nên chỉ có thể chuyển giao quyền chiếm hữu và quyền sử dụng, còn quyền định đoạt vẫn thuộc về chủ thể dữ liệu.

Như vậy, hệ thống pháp luật Việt Nam chưa có văn bản pháp luật nào công nhận DLCN là một loại tài sản có thể trao đổi, mua, bán như một loại hàng hóa trong hoạt động thương mại và công nhận quyền đối với DLCN là một quyền tài sản.

d. Quy định về bảo vệ, quản lý dữ liệu cá nhân khi dịch chuyển qua biên giới

Một trong những vấn đề được nhiều chuyên gia quan tâm đó là "địa phương hoá dữ liệu". Vào tháng 8 năm 2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định 53/2022NĐ-CP, trong đó có hướng dẫn chi tiết về yêu cầu địa phương hóa dữ liệu tại Việt Nam. Theo Luật An ninh mạng 2018 và Nghị định 53/2022NĐ-CP, yêu cầu địa phương hoá dữ liệu bao gồm hai biện pháp chính:

+ Yêu cầu lưu trữ: theo yêu cầu này, doanh nghiệp có liên quan phải lưu trữ dữ liệu địa phương hóa tại Việt Nam, yêu cầu lưu trữ áp dụng cho cả doanh nghiệp trong nước và nước ngoài;

+ Yêu cầu hiện diện tại địa phương: theo yêu cầu này, doanh nghiệp có liên quan phải thành lập văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam. Yêu cầu này chỉ áp dụng cho doanh nghiệp nước ngoài [5].

Pháp luật Việt Nam đã quy định về "địa phương hóa dữ liệu" với yêu cầu cụ thể về thời hạn, hình thức và nghĩa vụ lưu trữ dữ liệu đối với cả doanh nghiệp trong và ngoài nước, tương tự như cách tiếp cận của GDPR. Đặc biệt, Nghị định 13/2023/NĐ-CP đã quy định rõ tại Điều 5 về nghĩa vụ đánh giá tác động khi chuyển DLCN ra nước ngoài, cho thấy quan điểm của Việt Nam trong việc tăng cường kiểm soát và bảo vệ DLCN vượt ngoài biên giới quốc gia. Tuy nhiên, hiện vẫn thiếu quy định đầy đủ về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại khi dữ liệu bị xử lý trái phép, gây khó khăn trong bảo vệ quyền lợi cá nhân và giải quyết tranh chấp xuyên quốc gia.

e. Chế tài xử phạt hành vi xâm phạm dữ liệu cá nhân

Pháp luật bảo vệ DLCN quy định các chế tài xử phạt với những hành vi vi phạm bảo vệ DLCN. Nếu có hành vi vi phạm, tùy vào mức độ nghiêm trọng thì cá nhân, tổ chức có thể phải chịu các chế tài hành chính, dân sự hoặc hình sự theo quy định của pháp luật:

- Chế tài hình sự: Theo Điều 159 Bộ luật Hình sự quy định "xâm phạm bí mật hoặc an ninh thư tín, điện thoại, điện tín hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác" có thể bị phạt tù tới 03 năm. Điều 288 quy định "tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin trên mạng máy tính, mạng viễn thông" với mức hình phạt cao nhất là 07 năm tù giam. Tuy nhiên, 02 tội danh này chưa quy định trực tiếp về các hành vi vi phạm pháp luật liên quan tới DLCN.

- Chế tài dân sự: Khoản 1 Điều 9 Bộ luật Dân sự 2015 khẳng định mọi quyền dân sự của cá nhân, pháp nhân và các chủ thể khác đều được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Khi quyền bị xâm phạm, chủ thể có thể yêu cầu áp dụng các chế tài dân sự như: công nhận quyền dân sự, buộc chấm dứt hành vi vi phạm, buộc xin lỗi/cải chính công khai, buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự, hoặc bồi thường thiệt hại.

- Chế tài hành chính: Nghị định của Chính phủ số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử (sửa đổi bởi Nghị định 14/2022/NĐ-CP) quy định: phạt từ 10–20 triệu đồng đối với hành vi thu thập, cung cấp thông tin cá nhân khi chưa có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu (điểm a, b Khoản 1 Điều 84); phạt từ 40–60 triệu đồng đối với hành vi sử dụng sai mục đích, chia sẻ, phát tán hoặc kinh doanh trái phép thông tin cá nhân (khoản 2 Điều 84).

Dù vậy, pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính chưa có những quy định mang tính chất bao hàm, thống nhất để áp dụng với những trường hợp vi phạm pháp luật về DLCN mà mới chỉ có những quy định trong những lĩnh vực cụ thể.

2.3. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong các giao dịch thương mại xuyên biên giới

Trong quá trình thực hiện các giao dịch thương mại xuyên biên giới, một khối lượng dữ liệu lớn sẽ được trao đổi trên môi trường Internet. Theo số liệu được công bố năm 2019 bởi Nikkei Asia (một tổ chức chuyên phân tích kinh tế, thị trường của châu Á), thì Việt Nam là quốc gia nổi bật về hoạt động trao đổi dữ liệu xuyên quốc gia. Số liệu của Nikkei Asia nhấn mạnh: Trong danh sách xếp hạng 10 quốc gia có dòng dữ liệu xuyên biên giới lớn nhất thì có đến 5 quốc gia thuộc châu Á (Trung Quốc, Ấn Độ, Singapore, Việt Nam và Nhật Bản). Trong danh sách này, Việt Nam nằm ở vị trí thứ bảy với lưu lượng 7,99 triệu Mbps. Ngoài ra, về mức độ tăng trưởng của dòng chảy dữ liệu qua biên giới giai đoạn 2001-2019 của 11 quốc gia có dòng dữ liệu xuyên biên giới lớn nhất trong đó Việt Nam là quốc gia có mức độ tăng trưởng cao nhất (230.000 lần), gấp khoảng 30 lần so với quốc gia đứng đầu về lưu lượng luân chuyển dữ liệu là Trung Quốc với 7.500 lần [1]. Trước tốc độ phát triển và lưu lượng dòng chảy dữ liệu lớn như vậy, đòi hỏi Việt Nam cần có cơ chế quản lý việc dịch chuyển của DLCN đồng thời đảm bảo DLCN vẫn cần được bảo vệ khi đã dược dịch chuyển ra nước ngoài. Trong phạm vi bài viết, tác giả đề xuất một số giải pháp sau nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong các giao dịch thương mại xuyên biên giới:

2.3.1. Thống nhất quy định pháp luật và xây dựng Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân

Mặc dù pháp luật Việt Nam hiện nay đã ghi nhận quyền riêng tư và quyền được bảo vệ DLCN của cá nhân thông qua nhiều văn bản quy phạm pháp luật, tuy nhiên, thực tiễn cho thấy các quy định pháp luật hiện hành còn phân tán ở nhiều văn bản pháp luật khác nhau. Từ thực trạng đó, tác giả cho rằng cần có một luật riêng quy định về vấn đề bảo vệ DLCN và cần làm rõ các vấn đề sau: (1) Thống nhất các thuật ngữ và đưa ra khái niệm "dữ liệu cá nhân" và "bảo vệ dữ liệu cá nhân"; (2) Xây dựng các nguyên tắc bảo vệ DLCN và hướng dẫn áp dụng các nguyên tắc; (3) Quy định quyền và nghĩa vụ của chủ thể DLCN; (4) Quy định sự đồng ý của chủ thể DLCN trong trường hợp khai thác, sử dụng DLCN và những trường hợp không cần sự đồng ý của chủ thể DLCN; (5) Quy định về điều kiện bảo vệ DLCN đối với các tổ chức kinh doanh dịch vụ xử lý DLCN; (6) Quy định cụ thể về điều kiện chuyển DLCN ra nước ngoài và chế tài khi không đáp ứng yêu cầu về điều kiện; (7) Quy định về xử lý vi phạm quy định bảo vệ DLCN; (8) Quy định về cơ quan nhà nước có trách nhiệm quản lý và xử phạt những trường hợp vi phạm quy định về bảo vệ DLCN.

2.3.2. Ghi nhận bản chất của dữ liệu cá nhân như một loại tài sản và có thể trở thành đối tượng trong các hợp đồng thương mại

Pháp luật Việt Nam hiện chưa có quy định cụ thể về bản chất pháp lý của DLCN với tư cách là một loại tài sản, điều này dẫn đến những bất cập trong việc xác định bản chất các giao dịch liên quan đến quyền truy cập hoặc sử dụng DLCN. Do vậy, việc xây dựng khuôn khổ pháp lý để công nhận DLCN như một loại tài sản thuộc quyền sở hữu của chủ thể dữ liệu là cần thiết và cấp bách. Theo đó, pháp luật Việt Nam cần xem xét ban hành quy định về:

- Phân loại DLCN: xác định rõ loại DLCN nào có thể chuyển nhượng, giao dịch được và loại nào mang tính bất khả chuyển nhượng do liên quan đến quyền nhân thân cốt lõi;
- Cơ chế giao dịch và chuyển giao DLCN: xác lập rõ hình thức hợp đồng, điều kiện có hiệu lực, quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan;
- Quyền rút lại dữ liệu đã cung cấp: đảm bảo tính tự chủ và kiểm soát của chủ thể dữ liệu;
- Trách nhiệm pháp lý khi dữ liệu được chuyển cho bên thứ ba, bao gồm nghĩa vụ thông báo, đồng thuận và giám sát;
- Cơ chế xử lý vi phạm hợp đồng liên quan đến DLCN, bao gồm biện pháp chế tài, bồi thường thiệt hại, và cơ chế giải quyết tranh chấp.

Việc thừa nhận DLCN như một tài sản đặc biệt không chỉ giúp đảm bảo tính minh bạch và an toàn trong giao dịch thương mại số, mà còn là bước tiến quan trọng trong việc xây dựng hệ thống pháp luật phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế số và thị trường dữ liệu toàn cầu.

2.3.3. Quản lý đối với dữ liệu dịch chuyển qua biên giới

Đối với Việt Nam – một trong những quốc gia có lưu lượng dữ liệu xuyên biên giới cao hàng đầu thế giới, vấn đề quản lý DLCN khi dịch chuyển qua biên giới trở nên đặc biệt cấp thiết. Về cách tiếp cận với yêu cầu "địa phương hóa dữ liệu", nhiều ý kiến cho rằng chỉ lưu dữ liệu tại Việt Nam đối với ngành, lĩnh vực cụ thể và được đánh giá là đặc biệt quan trọng [6]. Theo quan điểm của nhiều chuyên gia nếu quốc gia đặt ra các rào cản đối với dòng DLCN xuyên giới sẽ đối mặt với các thiệt hại về kinh tế. Theo Ông Jeff Paine dẫn báo cáo của Quỹ đổi mới và công nghệ thông tin (ITIF) năm 2021 cho thấy rằng nếu quốc gia tăng 1 điểm về mức hạn chế dữ liệu của một quốc gia sẽ làm giảm 7% GDP, giảm 2,9% năng suất lao động và giá người tiêu dùng phải trả tăng 1,5% trong vòng 5 năm. Đối với Việt Nam, yêu cầu về địa phương hóa dữ liệu sẽ hạn chế quyền tiếp cận tới các nhà cung cấp dịch vụ quốc tế và thị trường nước ngoài. Ước tính tổng thiệt hại là 1,7% GDP; 3,1% đầu tư trong nước và 1,5 tỷ USD tổn thất phúc lợi của người tiêu dùng [3].

Bên cạnh đó, theo quan điểm của Liên minh Dữ liệu toàn cầu (GDA) ủng hộ tầm quan trọng của việc tạo điều kiện chuyển DLCN xuyên biên giới [4], khi xây dựng Luật bảo vệ DLCN, nhà nước nên cho phép và khuyến khích việc chuyển dữ liệu toàn cầu vì DLCN là nền tảng của nền kinh tế toàn cầu.

2.3.4. Đẩy mạnh hợp tác về bảo vệ dữ liệu xuyên biên giới

Một trong những biện pháp để bảo vệ DLCN trong các giao dịch thương mại xuyên biên giới đó là Việt Nam cần đẩy mạnh hợp tác quốc tế về bảo vệ DLCN để đảm bảo cơ chế bảo vệ cho loại tài sản mới này được dịch chuyển ra nước ngoài. Ngoài ra, Việt Nam cần sớm đàm phán các hiệp định về dữ liệu xuyên biên giới để tiếp cận với quy định, góc nhìn mới về bảo vệ dữ liệu, đảm bảo quá trình lập pháp tiếp cận được xu thế trên thế giới về thương mại số. Đồng thời việc tiếp cận các hiệp định sẽ giúp việc thực thi pháp luật hiệu quả hơn trong bối cảnh Việt Nam là điểm đến của nhiều doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xuyên biên giới.

3. Kết luận

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số sâu rộng, DLCN đang trở thành một loại tài sản kinh tế cốt lõi, đặc biệt trong các giao dịch thương mại xuyên biên giới. Tuy nhiên, song song với cơ hội phát triển kinh tế số là những thách thức về pháp lý, quyền riêng tư, an ninh mạng và chủ quyền dữ liệu. Pháp luật Việt Nam dù đã có bước tiến với Hiến pháp 2013, Luật An toàn thông tin mạng và Nghị định 13/2023/NĐ-CP, vẫn còn thiếu một khuôn khổ pháp lý đồng bộ, đặc biệt trong bối cảnh dữ liệu xuyên biên giới. Do đó, bài viết đã đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật bảo vệ DLCN, phù hợp với xu thế quốc tế, góp phần nâng cao năng lực bảo vệ quyền con người, bảo đảm an ninh dữ liệu, và thúc đẩy phát triển kinh tế số bền vững.

Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Quang Đồng, Nguyễn Lan Phương (2021), *Dòng chảy dữ liệu cá nhân xuyên biên giới: Thực trạng và khuyến nghị chính sách*, nguồn: https://www.vjst.vn/vn/tin-tuc/5332/dong-chay-du-lieu-ca-nhan-xuyen-bien-gioi--thuc-trang-va-khuyen-nghi-chinh-sach.aspx, truy cập ngày 20/04/2025.

[2] Quang Huy, Trần Cường (2022), *Phá 2 đường dây mua bán trái phép thông tin cá nhân, thu lời bất chính tiền tỉ*, nguồn: https://thanhnien.vn/pha-2-duong-day-mua-ban-trai-phep-thong-tin-ca-nhan-thu-loi-bat-chinh-tien-ti-1851517100.htm, truy cập ngày 20/04/2025.

[3] Hội Truyền thông số Việt Nam,Viện Nghiên cứu Chính sách và Phát triển Truyền thông (IPS) (2021), *Toạ đàm Dòng dữ liệu xuyên biên giới và vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân*, nguồn: https://ips.org.vn/tin-tuc/quan-tri-dong-du-lieu-ca-nhan-xuyen-bien-gioi-thuc-day-trach-nhiem-giai-trinh-huong-toi-hop-tac-da-phuong-ct91.html, truy cập ngày 20/04/2025.

[4] Liên minh Dữ liệu Toàn cầu (GDA) (2024), *Ý kiến đóng góp của liên minh dữ liệu toàn cầu về việc xây dựng luật bảo vệ dữ liệu cá nhân tại Việt Nam*, nguồn: https://globaldataalliance.org/wp-content/uploads/2021/07/vt03292024gdavtpdpdev.pdf, truy cập ngày 20/04/2025.

[5] Nguyễn Quang Vũ, Trịnh Phương Thảo (2022), *Decree 53/2022 - Further guidance on data localisation in Vietnam (tạm dịch: Nghị định 53/2022 – Hướng dẫn bổ sung về yêu cầu lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam)*, nguồn: https://vietnam-business-law.info/blog/2022/9/4/decree-532022-further-guidance-on-data-localisation-in-vietnam, truy cập ngày 20/04/2025.

[6] Đức Cương (2023), *An ninh dữ liệu trong kết xuất, luân chuyển xuyên biên giới*, https://cand.com.vn/Phong-su/an-ninh-du-lieu-trong-ket-xuat-luan-chuyen-xuyen-bien-gioi-i711296/, truy cập ngày 20/04/2025.